



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho 06 tháng đầu năm tài chính
kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014



MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 1 - 2 |
| Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính | 3 |
| Báo cáo tài chính đã được soát xét | |
| Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2014 | 4 - 7 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 | 8 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 | 9 - 10 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 11 - 29 |

CO
P
OAN
LO

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 1100414052 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 04 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, Khu Phố 9, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 443.753.850.000 VND.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| Họ tên | Chức danh |
|------------------------|--------------|
| Ông Phạm Phúc Toại | Chủ tịch |
| Bà Phạm Thúy An | Phó Chủ tịch |
| Ông Ngô Kinh Luân | Thành viên |
| Ông Nguyễn Thanh Phong | Thành viên |
| Ông Châu Minh Đạt | Thành viên |

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| Họ tên | Chức danh |
|---------------------|--|
| Ông Phạm Phúc Toại | Tổng Giám đốc – miễn nhiệm ngày 28/03/2014 |
| Ông Nguyễn Quốc Đạo | Tổng Giám đốc – bổ nhiệm ngày 28/03/2014 |
| Ông Châu Minh Đạt | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Phạm Thúy An | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Phan Văn Thanh | Phó Tổng Giám đốc – miễn nhiệm ngày 01/03/2014 |
| Ông Trần Đình Tôn | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Nguyễn Thị Trúc | Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng |

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định soát xét báo cáo tài chính cho các giai đoạn tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

6. CAM KẾT CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ

Đến ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 422.092.718.037 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư. Vào ngày phát hành báo cáo 6 tháng đầu năm tài chính, Hội đồng quản trị Công ty đã đánh giá khả năng hoạt động liên tục của Công ty vẫn đảm bảo do Công ty có đủ nguồn tài chính đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do vậy, các báo cáo tài chính đính kèm vẫn được soạn thảo trên cơ sở giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Long An, ngày 29 tháng 08 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO





Số: 15.130/BCSX-DTL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2014, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 4 đến trang 29 kèm theo được lập ngày 23 tháng 08 năm 2014. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Mục 4.17 trên Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo mà trong đó có trình bày các khoản nợ ngắn hạn của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 422.092.718.037 VND. Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



KIỂM TOÁN VIÊN

TẶNG QUỐC THẮNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0075-2013-026-1

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1191-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Th. minh | Cuối kỳ | Đầu năm |
|---|------------|------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 319.553.796.085 | 257.646.350.104 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 191.699.750 | 180.429.348 |
| 1. Tiền | 111 | 5.1 | 191.699.750 | 180.429.348 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 5.2 | 288.812.198.454 | 222.826.683.686 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 47.439.895.944 | 28.100.300.408 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 64.304.616.435 | 28.233.842.000 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | | 196.583.392.750 | 185.591.190.027 |
| 6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | (19.515.706.675) | (19.098.648.749) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 5.3 | 30.540.620.965 | 32.148.406.404 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 30.540.620.965 | 32.148.406.404 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 9.276.916 | 2.490.830.666 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | 2.460.172.186 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | - | - |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 9.276.916 | 30.658.480 |

(Phần tiếp theo ở trang 5)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Th. minh | Cuối kỳ | Đầu năm |
|---|------------|----------|--------------------------|------------------------|
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 723.729.404.475 | 733.955.955.124 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 7.172.042.079 | 7.979.615.360 |
| 1. TSCĐ hữu hình | 221 | 5.4 | 109.741.552 | 891.746.061 |
| + Nguyên giá | 222 | | 7.631.304.551 | 8.657.226.369 |
| + Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (7.521.562.999) | (7.765.480.308) |
| 2. TSCĐ thuê tài chính | 224 | | - | - |
| + Nguyên giá | 225 | | - | - |
| + Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. TSCĐ vô hình | 227 | 5.5 | 2.181.868.681 | 2.207.437.453 |
| + Nguyên giá | 228 | | 2.556.877.372 | 2.556.877.372 |
| + Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (375.008.691) | (349.439.919) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 5.6 | 4.880.431.846 | 4.880.431.846 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | 5.7 | 20.978.141.404 | 21.117.621.424 |
| + Nguyên giá | 241 | | 22.919.360.706 | 22.919.360.706 |
| + Giá trị hao mòn lũy kế | 242 | | (1.941.219.302) | (1.801.739.282) |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.8 | 626.738.894.099 | 640.341.972.358 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 555.566.279.000 | 555.566.279.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 133.125.000.000 | 133.125.000.000 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | (261.952.384.901) | (248.349.306.642) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 68.840.326.893 | 64.516.745.982 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 4.093.611 | 16.422.922 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 5.9 | 68.836.233.282 | 64.500.323.060 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.043.283.200.560 | 991.602.305.228 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Th. minh | Cuối kỳ | Đầu năm |
|---|------------|----------|--------------------------|------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 750.708.348.667 | 683.706.328.829 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 741.646.514.122 | 674.208.447.920 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 5.10 | 355.321.331.420 | 352.093.489.250 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | 5.11 | 30.174.862.871 | 25.430.848.327 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | 5.11 | 6.537.013.685 | 8.325.328.644 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 5.12 | 908.820.446 | 3.290.094.902 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | 5.13 | 229.220.636 | 536.025.162 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | 5.14 | 19.998.821.587 | 18.993.059.837 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 5.15 | 312.080.128.338 | 249.279.834.859 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 16.396.315.139 | 16.259.766.939 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 9.061.834.545 | 9.497.880.909 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | | - | - |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | 5.16 | 9.061.834.545 | 9.497.880.909 |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 292.574.851.893 | 307.895.976.399 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.17 | 292.574.851.893 | 307.895.976.399 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 443.753.850.000 | 443.753.850.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | (7.500.000.000) | (7.500.000.000) |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 19.640.561.505 | 19.640.561.505 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 16.839.181.571 | 16.839.181.571 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | (180.158.741.183) | (164.837.616.677) |
| 11. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí, quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.043.283.200.560 | 991.602.305.228 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

| Chi tiêu | Th. minh | Cuối kỳ | Đầu năm |
|--|----------|----------|----------|
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại (USD) | | 3.959,00 | 3.955,69 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

Long An, ngày 23 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ THỊ NGỌC ĐIỀN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Th. minh | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|-------|----------|------------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 129.345.279.153 | 56.002.774.470 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 6.1 | 38.514.357.143 | 1.664.308.311 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 90.830.922.010 | 54.338.466.159 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 90.854.352.103 | 54.266.260.387 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | (23.430.093) | 72.205.772 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 13.676.147.679 | 18.782.446.661 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 28.860.164.393 | 18.161.208.168 |
| <i>trong đó, chi phí lãi vay</i> | 23 | | 12.081.830.398 | 14.730.974.075 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | - | 8.382.860 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 6.5 | 4.098.025.340 | 5.489.977.791 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (19.305.472.147) | (4.804.916.386) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 6.6 | 494.618.932 | 605.873.069 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 6.7 | 846.181.513 | 146.711.600 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (351.562.581) | 459.161.469 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (19.657.034.728) | (4.345.754.917) |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | - | - |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 6.8 | (4.335.910.222) | (1.086.438.729) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (15.321.124.506) | (3.259.316.188) |

Long An, ngày 23 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ THỊ NGỌC ĐIỀN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Th. minh | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|-------|----------|------------------------|-------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (19.657.034.728) | (4.345.754.917) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | | 479.505.911 | 1.657.223.152 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 14.020.136.185 | (677.055.000) |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | 3.085.793.217 | 2.302.808.799 |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | 181.391.140 | (18.564.735.733) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 12.081.830.398 | 14.730.974.075 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 10.191.622.123 | (4.896.539.624) |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (73.530.738.323) | (18.833.161.778) |
| Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 1.607.785.439 | 676.888.041 |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | 11 | | 59.822.512.367 | 148.625.028.463 |
| Tăng giảm chi phí trả trước | 12 | | 12.329.311 | (404.655.128) |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (2.408.157.383) | (12.716.376.252) |
| Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | | - | - |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | - | 30.601.416 |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | (7.367.800) | (1.821.758.500) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh | 20 | | (4.312.014.266) | 110.660.026.638 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | - |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 284.681.067 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | | (500.000.000) | (170.347.842.717) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 82.361.930.112 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | (60.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 1.475.183 | 4.985.534 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (213.843.750) | (88.040.927.071) |

(Phần tiếp theo ở trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Th. minh | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|-----------|----------|----------------------|-------------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 73.734.135.779 | 152.523.069.990 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (69.197.837.950) | (175.388.577.756) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | (45.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 4.536.297.829 | (22.865.552.766) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40) | 50 | | 10.439.813 | (246.453.199) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 180.429.348 | 643.147.175 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 830.589 | (4.567.663) |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61) | 70 | | 191.699.750 | 392.126.313 |

Long An, ngày 23 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THỊ NGỌC ĐIÊN

NGUYỄN THỊ TRÚC

NGUYỄN QUỐC ĐẠO



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1100414052 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 04 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 12 là 443.753.850.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Tòa nhà Hoàng Long, số 68 Nguyễn Trung Trực, Khu Phố 9, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 26 (31/12/2013: 43).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- San lấp mặt bằng;
- Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Kinh doanh, chế biến thủy hải sản tươi sống và đông lạnh, nông sản;
- Thi công, lắp đặt hệ thống đường công thoát nước;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phân ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.4 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

| | <u>Kỳ này</u> |
|----------------------------------|---------------|
| + Máy móc thiết bị | 05 – 08 năm |
| + Phương tiện vận tải truyền dẫn | 05 – 10 năm |
| + Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 05 năm |

4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính. Tài sản cố định vô hình của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2014 là Quyền sử dụng đất nhà máy nước ngầm và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lỗ đất.

4.7 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.8 Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu. Tại thời điểm cuối kỳ, Bất động sản đầu tư bao gồm:

Nhà cửa, vật kiến trúc

Nhà cửa, vật kiến trúc được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao là 20 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

4.11 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập và sử dụng các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.12 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.13 Lãi (lỗ) trên cổ phiếu

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

4.14 Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành là 22%
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- | | |
|---|-----|
| + Phân bón, nguyên liệu, thức ăn thủy sản | 5% |
| + Cho thuê văn phòng, dịch vụ xử lý nước thải | 10% |

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

4.15 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và các chi phí trả trước khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.17 Khả năng hoạt động liên tục

Đến ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 422.092.718.037 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư. Vào ngày phát hành báo cáo 6 tháng đầu năm tài chính, Hội đồng quản trị Công ty đã đánh giá khả năng hoạt động liên tục của Công ty vẫn đảm bảo do Công ty có đủ nguồn tài chính đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong 12 tháng tới.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | VND | |
|--------------------|--------------------|--------------------|
| | Cuối kỳ | Đầu năm |
| Tiền mặt | 9.864.762 | 28.172.209 |
| Tiền gửi ngân hàng | 181.834.988 | 152.257.139 |
| Tổng cộng | 191.699.750 | 180.429.348 |

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

| | VND | |
|---|------------------------|------------------------|
| | Cuối kỳ | Đầu năm |
| Phải thu khách hàng | 47.439.895.944 | 28.100.300.408 |
| Trả trước cho người bán | 64.304.616.435 | 28.233.842.000 |
| Các khoản phải thu khác | 196.583.392.750 | 185.591.190.027 |
| Cộng các khoản phải thu ngắn hạn | 308.327.905.129 | 241.925.332.435 |
| Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | (19.515.706.675) | (19.098.648.749) |
| Giá trị thuần của các khoản phải thu | 288.812.198.454 | 222.826.683.686 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, phải thu các bên liên quan được chi tiết như sau:

| | VND | |
|---|----------------------|----------|
| | Cuối kỳ | Đầu năm |
| Phải thu tiền chuyển quyền sử dụng đất – Xem thêm mục 7 | 8.856.725.000 | - |
| Cộng | 8.856.725.000 | - |

Phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

| | VND | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | Cuối kỳ | Đầu năm |
| Phải thu về hoạt động thương mại | 21.272.917.601 | 3.542.708.777 |
| Phải thu về hoạt động chuyển quyền sử dụng đất | 26.166.978.343 | 24.557.591.631 |
| Cộng | 47.439.895.944 | 28.100.300.408 |

Trả trước cho người bán được chi tiết như sau:

| | VND | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | Cuối kỳ | Đầu năm |
| Trả trước tiền mua cá tra fillet đông lạnh | 15.556.627.435 | - |
| Trả trước tiền mua bột cá và cám gạo | 45.740.000.000 | 25.300.000.000 |
| Trả trước tiền thi công công trình | 2.744.756.000 | 2.744.756.000 |
| Các khoản trả trước khác | 263.233.000 | 189.086.000 |
| Cộng | 64.304.616.435 | 28.233.842.000 |

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

| | VND | |
|---|------------------------|------------------------|
| | Cuối kỳ | Đầu năm |
| Phải thu nội bộ các công ty con – Xem thêm mục 7 | 190.949.079.347 | 180.449.616.624 |
| Phải thu tiền lệ phí trước bạ ứng trước | 1.165.983.837 | 1.173.243.837 |
| Phải thu tiền cho Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy tạm mượn – Xem thêm mục 7 | 542.000.000 | 542.000.000 |
| Phải thu tiền cho các đối tượng khác tạm mượn | 2.840.849.571 | 2.340.849.571 |
| Các khoản phải thu khác | 1.085.479.995 | 1.085.479.995 |
| Cộng | 196.583.392.750 | 185.591.190.027 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

5.3. Hàng tồn kho

| | VND | |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Cuối kỳ | Đầu năm |
| Nguyên liệu, vật liệu | 152.760.035 | 1.201.338.345 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 3.801.623.963 | 3.710.543.963 |
| Thành phẩm | - | 352.174.513 |
| Hàng hóa | 26.586.236.967 | 26.884.349.583 |
| Cộng giá gốc hàng tồn kho | 30.540.620.965 | 32.148.406.404 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | - |
| Giá trị thuần có thể thực hiện | 30.540.620.965 | 32.148.406.404 |

5.4. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng cộng |
|-------------------------------|----------------------|--------------------------------|---------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 2.474.618.352 | 5.928.591.191 | 254.016.826 | 8.657.226.369 |
| Thanh lý, nhượng bán | (373.700.000) | (652.221.818) | - | (1.025.921.818) |
| Số dư cuối kỳ | 2.100.918.352 | 5.276.369.373 | 254.016.826 | 7.631.304.551 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | 2.155.496.755 | 5.355.966.727 | 254.016.826 | 7.765.480.308 |
| Khấu hao trong kỳ | 67.943.577 | 246.513.542 | - | 314.457.119 |
| Thanh lý, nhượng bán | (232.263.532) | (326.110.896) | - | (558.374.428) |
| Số dư cuối kỳ | 1.991.176.800 | 5.276.369.373 | 254.016.826 | 7.521.562.999 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 319.121.597 | 572.624.464 | - | 891.746.061 |
| Số dư cuối kỳ | 109.741.552 | - | - | 109.741.552 |

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.816.590.265 VND.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là giá trị quyền sử dụng đất Nhà máy nước ngầm tại số 68 Nguyễn Trung Trực, Long An. Giá trị còn lại của quyền sử dụng đất này đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long tại ngân hàng TMCP Vietcombank theo hợp đồng tín dụng số 0016/TDC/14LD ngày 10 tháng 2 năm 2014.

(Phần tiếp theo ở trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | VND | |
|---|----------------------|----------------------|
| | Cuối kỳ | Đầu năm |
| Mua sắm thiết bị cho hệ thống nước thải Long Cang | 173.218.403 | 173.218.403 |
| Hệ thống xử lý nước thải Long Cang | 4.628.173.443 | 4.628.173.443 |
| Khác | 79.040.000 | 79.040.000 |
| Tổng cộng | 4.880.431.846 | 4.880.431.846 |

5.7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

| Khoản mục | Quyền sử dụng đất | Nhà An Dương Vương | VND |
|-------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | | | Tổng cộng |
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 17.340.160.000 | 5.579.200.706 | 22.919.360.706 |
| Số dư cuối kỳ | 17.340.160.000 | 5.579.200.706 | 22.919.360.706 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | - | 1.801.739.282 | 1.801.739.282 |
| Khấu hao trong kỳ | - | 139.480.020 | 139.480.020 |
| Số dư cuối kỳ | - | 1.941.219.302 | 1.941.219.302 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày đầu năm | 17.340.160.000 | 3.777.461.424 | 21.117.621.424 |
| Tại ngày cuối kỳ | 17.340.160.000 | 3.637.981.404 | 20.978.141.404 |

Giá trị còn lại của các tài sản đã thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay là 20.978.141.404 VND – Xem thêm mục 5.10.

5.8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

| | VND | |
|---|------------------------|------------------------|
| | Cuối kỳ | Đầu năm |
| Đầu tư vào công ty con | 555.566.279.000 | 555.566.279.000 |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 133.125.000.000 | 133.125.000.000 |
| Đầu tư dài hạn khác | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn | 888.691.279.000 | 888.691.279.000 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | (261.952.384.901) | (248.349.306.642) |
| Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn | 626.738.894.099 | 640.341.972.358 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Đầu tư vào công ty con được chi tiết như sau:

| | | | VND |
|---|-------------|------------------------|---------------|
| | Mối quan hệ | Vốn góp | Tỷ lệ góp vốn |
| Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long | Công ty con | 30.000.000.000 | 100% |
| Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long | Công ty con | 85.000.000.000 | 100% |
| Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long | Công ty con | 160.566.279.000 | 100% |
| Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long | Công ty con | 70.000.000.000 | 100% |
| Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long | Công ty con | 200.000.000.000 | 100% |
| Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long | Công ty con | 10.000.000.000 | 100% |
| Cộng | | 555.566.279.000 | |

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết là khoản đầu tư vào công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy với tỷ lệ vốn góp chiếm 30% vốn chủ sở hữu.

Đầu tư dài hạn khác là khoản cho công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long vay với lãi suất bình quân là khoảng 9%/năm.

5.9. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

| | | VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | Cuối kỳ | Đầu năm |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu đất Long Kim | 3.531.999.397 | 3.520.636.815 |
| Tài sản thuế hoãn lại liên quan đến việc chuyển lỗ phát sinh trong năm | 65.304.233.885 | 60.979.686.245 |
| Tổng cộng | 68.836.233.282 | 64.500.323.060 |

5.10. Vay và nợ ngắn hạn

Là các khoản vay ngân hàng được thế chấp bằng bất động sản, quyền sử dụng đất và các giấy tờ có giá thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty và bên thứ 3 – Xem thêm mục 5.7. Các khoản vay này chịu lãi suất từ 5%/năm đối với USD và 9%/năm đối với VND.

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

| | | VND |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Cuối kỳ | Đầu năm |
| Phải trả người bán | 30.174.862.871 | 25.430.848.327 |
| Người mua trả tiền trước | 6.537.013.685 | 8.325.328.644 |
| Tổng cộng | 36.711.876.556 | 33.756.176.971 |

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | VND | |
|------------------------------------|--------------------|----------------------|
| | Cuối kỳ | Đầu năm |
| Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa | 69.364.229 | 800.022.990 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 204.213.338 | 204.213.338 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 31.335.327 | 33.988.735 |
| Các khoản phí, lệ phí | 603.907.552 | 2.251.869.839 |
| Tổng cộng | 908.820.446 | 3.290.094.902 |

5.13. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 06 năm 2014 còn phải trả cho người lao động.

5.14. Chi phí phải trả

| | VND | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | Cuối kỳ | Đầu năm |
| Trích trước chi phí lãi vay | 520.031.080 | 479.269.330 |
| Trích trước chi phí cho công trình Long Kim 2 | 18.513.790.507 | 18.513.790.507 |
| Trích trước chi phí thuê văn phòng | 900.000.000 | - |
| Chi phí phải trả khác | 65.000.000 | - |
| Tổng cộng | 19.998.821.587 | 18.993.059.837 |

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | VND | |
|---|------------------------|------------------------|
| | Cuối kỳ | Đầu năm |
| Kinh phí công đoàn | 15.353.760 | 20.321.460 |
| Bảo hiểm xã hội | 23.274.541 | 36.199.362 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 260.000 | - |
| Phải trả cho các công ty con – Xem thêm mục 7 | 172.463.580.022 | 130.196.133.073 |
| Phải trả tiền vay và lãi vay cho Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy – Xem thêm mục 7 | 5.672.440.691 | 8.477.443.935 |
| Phải trả tiền tạm mượn Ông Phạm Phúc Toại – Xem thêm mục 7 | 910.117.598 | 697.800.239 |
| Phải trả tiền tạm mượn các đối tượng khác | 112.860.909.493 | 98.470.868.585 |
| Phải trả tiền lãi vay | 18.839.311.751 | 11.151.987.491 |
| Phải trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng | 1.057.269.618 | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 237.610.864 | 229.080.714 |
| Tổng cộng | 312.080.128.338 | 249.279.834.859 |

5.16. Doanh thu chưa thực hiện

Là khoản doanh thu nhận trước của hoạt động kinh doanh bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

5.17. Vốn chủ sở hữu**5.17.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận chưa phân phối | VND |
|---|---------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 443.753.850.000 | (7.500.000.000) | 36.452.201.802 | 51.578.598.948 | 524.284.650.750 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | (216.358.027.935) | (216.358.027.935) |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (30.601.416) | (30.601.416) |
| Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | - | - | 27.541.274 | (27.541.274) | - |
| Chia cổ tức | - | - | - | (45.000) | (45.000) |
| Số dư đầu năm nay | 443.753.850.000 | (7.500.000.000) | 36.479.743.076 | (164.837.616.677) | 307.895.976.399 |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | - | (15.321.124.506) | (15.321.124.506) |
| Số dư cuối kỳ | 443.753.850.000 | (7.500.000.000) | 36.479.743.076 | (180.158.741.183) | 292.574.851.893 |

(Phần tiếp theo ở trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

5.17.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

| | | VND |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| | Cuối kỳ | Đầu năm |
| Vốn góp của Nhà nước | - | - |
| Vốn góp của các đối tượng khác | 443.753.850.000 | 443.753.850.000 |
| Tổng cộng | 443.753.850.000 | 443.753.850.000 |

5.17.3. Cổ phần

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phần đăng ký phát hành | 44.375.388 | 44.375.388 |
| Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra | 44.375.385 | 44.375.385 |
| Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại | (150.000) | (150.000) |
| Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành | 44.225.385 | 44.225.385 |

- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

- Lãi cơ bản trên cổ phần được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | | VND |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Kỳ này | Kỳ trước |
| Doanh thu hoạt động thương mại | 89.756.864.608 | 52.507.385.380 |
| Doanh thu hoạt động chuyển nhượng đất | 38.900.800.000 | 675.551.818 |
| Doanh thu hoạt động thi công | - | 2.305.365.455 |
| Doanh thu dịch vụ | 687.614.545 | 514.471.817 |
| Hàng bán bị trả lại | (38.514.357.143) | (1.664.308.311) |
| Doanh thu thuần | 90.830.922.010 | 54.338.466.159 |

6.2. Giá vốn hàng bán

| | | VND |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Kỳ này | Kỳ trước |
| Giá vốn hoạt động thương mại | 89.872.254.487 | 51.868.439.603 |
| Giá vốn hoạt động chuyển nhượng đất | 382.097.616 | (195.860.844) |
| Giá vốn hoạt động thi công | - | 2.287.761.818 |
| Giá vốn dịch vụ | 600.000.000 | 305.919.810 |
| Tổng cộng | 90.854.352.103 | 54.266.260.387 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | VND | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | Kỳ này | Kỳ trước |
| Lãi tiền gửi | 1.475.183 | 4.985.534 |
| Thu lãi cho vay, lãi trả chậm từ các công ty con | 10.565.574.874 | 18.559.750.199 |
| Lợi nhuận được chia từ công ty con | 3.106.875.033 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 1.392.000 | 443.606 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 830.589 | 217.267.322 |
| Tổng cộng | 13.676.147.679 | 18.782.446.661 |

6.4. Chi phí tài chính

| | VND | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | Kỳ này | Kỳ trước |
| Chi phí lãi vay | 12.081.830.398 | 14.730.974.075 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 88.631.930 | 910.157.972 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 3.086.623.806 | 2.520.076.121 |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn | 13.603.078.259 | - |
| Tổng cộng | 28.860.164.393 | 18.161.208.168 |

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | VND | |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| | Kỳ này | Kỳ trước |
| Chi phí nhân viên quản lý | 1.806.604.295 | 2.204.836.681 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 8.003.602 | 17.466.679 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 479.505.911 | 1.351.303.342 |
| Thuế, phí và lệ phí | 53.627.473 | 45.389.945 |
| Chi phí dự phòng | 485.627.426 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 581.992.344 | 1.053.032.571 |
| Chi phí bằng tiền khác | 682.664.289 | 817.948.573 |
| Tổng cộng | 4.098.025.340 | 5.489.977.791 |

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

6.6. Thu nhập khác

| | VND | |
|---|--------------------|--------------------|
| | Kỳ này | Kỳ trước |
| Thu tiền phạt, tiền bồi thường | 166.145.687 | 2.511.251 |
| Khoản phải thu khó đòi đã xóa sổ nay thu lại được | - | 600.000.000 |
| Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 284.681.067 | - |
| Thu nhập khác | 43.792.178 | 3.361.818 |
| Tổng cộng | 494.618.932 | 605.873.069 |

6.7. Chi phí khác

| | VND | |
|--------------------------------------|--------------------|--------------------|
| | Kỳ này | Kỳ trước |
| Tiền phạt, tiền bồi thường | 298.108.693 | 146.711.600 |
| Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 467.547.390 | - |
| Chi phí khác | 80.525.430 | - |
| Tổng cộng | 846.181.513 | 146.711.600 |

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và những biến động trong kỳ này và năm trước được trình bày như sau:

| | VND | | |
|--|---|--|-------------------------|
| | Trích trước chi phí Công trình Long Kim 2 | Lỗ phát sinh từ hoạt động kinh doanh | Tổng cộng |
| Số dư đầu năm trước | (3.526.679.708) | - | (3.526.679.708) |
| Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước | 6.042.893 | (60.979.686.245) | (60.973.643.352) |
| Số dư cuối năm trước | (3.520.636.815) | (60.979.686.245) | (64.500.323.060) |
| Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh kỳ này | (11.362.582) | (4.324.547.640) | (4.335.910.222) |
| Số dư cuối kỳ này | (3.531.999.397) | (65.304.233.885) | (68.836.233.282) |

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được chi tiết như sau:

| | VND | |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Cuối kỳ | Đầu năm |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại | 68.836.233.282 | 64.500.323.060 |
| Tổng cộng | 68.836.233.282 | 64.500.323.060 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 89.652.878.169 | 51.955.954.123 |
| Chi phí nhân công | 1.806.604.295 | 2.204.836.681 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 479.505.911 | 1.657.223.152 |
| Chi phí dự phòng | 485.627.426 | (77.055.000) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.133.179.149 | 3.417.849.389 |
| Chi phí khác bằng tiền | 835.375.364 | 962.023.073 |
| Tổng cộng | 94.393.170.314 | 60.120.831.418 |

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

| Tên công ty | Mối quan hệ |
|--|------------------|
| 1. Ông Phạm Phúc Toại | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Bà Phạm Huyền Trang | Con của CT HĐQT |
| 3. Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long | Công ty con |
| 4. Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long | Công ty con |
| 5. Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long | Công ty con |
| 6. Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long | Công ty con |
| 7. Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long | Công ty con |
| 8. Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long | Công ty con |
| 9. Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy | Công ty liên kết |

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau – Xem thêm mục 5.2:

| | Cuối kỳ | VND Đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long | 149.157.793.922 | 112.863.435.368 |
| Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long | 1.363.543.181 | 763.543.181 |
| Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long | 37.176.951.211 | 66.822.638.075 |
| Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long | 3.250.791.033 | - |
| Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy | 542.000.000 | 542.000.000 |
| Bà Phạm Huyền Trang | 8.856.725.000 | - |
| Tổng cộng | 200.347.804.347 | 180.991.616.624 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau – Xem thêm mục 5.15:

| | VND | |
|---|------------------------|------------------------|
| | Cuối kỳ | Đầu năm |
| Ông Phạm Phúc Toại | 910.117.598 | 697.800.239 |
| Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long | 5.382.404.635 | 2.524.034.723 |
| Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long | 34.624.228.607 | 34.534.573.107 |
| Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long | 78.960.898.292 | 37.217.358.363 |
| Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long | 53.496.048.488 | 55.920.166.880 |
| Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy | 5.672.440.691 | 8.477.443.935 |
| Tổng cộng | 179.046.138.311 | 139.371.377.247 |

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

| | VND | |
|---|----------------|-----------------|
| | Kỳ này | Kỳ trước |
| Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ | 58.401.595.365 | 106.489.681.300 |
| Mua hàng hóa, dịch vụ | 81.505.000 | - |
| Cho thuê kho và văn phòng | 545.454.545 | 478.449.000 |
| Cho tạm mượn tiền | 52.433.539.929 | 190.249.471.417 |
| Phải thu tiền lãi cho vay | 10.565.574.874 | 18.559.750.199 |
| Tạm mượn tiền | 52.706.362.979 | 86.250.186.107 |
| Phải trả tiền thi công công trình | - | 1.815.044.700 |
| Tiền lãi vay phải trả | 1.719.243.191 | 942.616.104 |
| Phải thu lợi nhuận chuyển về từ công ty con | 3.106.875.033 | - |

Công ty cũng cung cấp và nhận tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Lãi được trích hoặc phải trả theo lãi suất kinh doanh thông thường. Khoản vay từ các bên có liên quan chịu lãi suất bình quân là khoảng 12,6%/năm và khoản cho vay đối với các bên liên quan có lãi suất bình quân là 9%/năm.

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

| | VND | |
|---------------------------|--------------------|--------------------|
| | Kỳ này | Kỳ trước |
| Thu nhập của Ban Giám đốc | 753.976.000 | 662.060.154 |
| Tổng cộng | 753.976.000 | 662.060.154 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.15.

- Các loại công cụ tài chính

VND

| | Giá trị ghi sổ | |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 191.699.750 | 180.429.348 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 222.256.118.187 | 192.334.117.854 |
| Đầu tư dài hạn | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| Tổng cộng | 422.447.817.937 | 392.514.547.202 |
| Công nợ tài chính | | |
| Các khoản vay | 355.321.331.420 | 352.093.489.250 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 340.864.225.670 | 274.425.081.650 |
| Chi phí phải trả | 19.998.821.587 | 18.993.059.837 |
| Tổng cộng | 716.184.378.677 | 645.511.630.737 |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

| | Công nợ | | Tài sản | |
|----------------|---------------|---------------|------------|------------|
| | 30/06/2014 | 01/01/2014 | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
| Đô la Mỹ (USD) | 14.698.208,60 | 15.788.208,00 | 3.959,00 | 3.955,69 |

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tình thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

| | | | | VND |
|--|------------|-----------------|-------------|-----------------|
| | 30/06/2014 | Dưới 1 năm | Từ 1- 5 năm | Tổng cộng |
| Các khoản vay | | 355.321.331.420 | - | 355.321.331.420 |
| Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác | | 340.864.225.670 | - | 340.864.225.670 |
| Chi phí phải trả | | 19.998.821.587 | - | 19.998.821.587 |
| | 01/01/2014 | Dưới 1 năm | Từ 1- 5 năm | Tổng cộng |
| Các khoản vay | | 352.093.489.250 | - | 352.093.489.250 |
| Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác | | 274.425.081.650 | - | 274.425.081.650 |
| Chi phí phải trả | | 18.993.059.837 | - | 18.993.059.837 |



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP 9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | | | VND |
|--------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| 30/06/2014 | Dưới 1 năm | Từ 1- 5 năm | Tổng cộng |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 222.256.118.187 | - | 222.256.118.187 |
| Đầu tư dài hạn | - | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| 01/01/2014 | Dưới 1 năm | Từ 1- 5 năm | Tổng cộng |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 192.334.117.854 | - | 192.334.117.854 |
| Đầu tư dài hạn | - | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 23 tháng 08 năm 2014.

Long An, ngày 23 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ THỊ NGỌC ĐIÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO



